

PHÁP LUẬT AN SINH XÃ HỘI ĐỐI VỚI NGƯỜI CAO TUỔI Ở NHẬT BẢN VÀ NHỮNG HÀM Ý CHÍNH SÁCH VỚI VIỆT NAM

● TRẦN THỊ LỆ HẰNG

TÓM TẮT:

Già hóa dân số đang diễn ra trên phạm vi toàn cầu với tốc độ ngày càng nhanh và tác động lên mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội của tất cả các quốc gia trên thế giới, trong đó có Nhật Bản. Trong nhiều thập niên qua, Nhật Bản là một trong những quốc gia điển hình có hệ thống pháp luật an sinh xã hội (ASXH) đối với người cao tuổi (NCT) khá thành công. Bài viết phân tích quy định pháp luật ASXH đối với NCT ở Nhật Bản, từ đó gợi mở một số hàm ý chính sách và pháp luật ASXH cho NCT ở Việt Nam.

Từ khóa: an sinh xã hội, chính sách, pháp luật, người cao tuổi.

1. Đặt vấn đề

Theo thống kê của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), hiện trên thế giới có 77,5% số người trên tuổi nghỉ hưu được hưởng một số hình thức hưu trí tuổi già. [10] Tuy nhiên, cũng theo ILO, tỷ lệ này ở các quốc gia, khu vực có sự chênh lệch lớn. Chẳng hạn, tại Việt Nam, theo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cuối năm 2020, cả nước mới có hơn 4,49 triệu người, tương đương với 35% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng và trợ cấp xã hội hàng tháng dành cho người hơn 80 tuổi, [10] con số chênh lệch khá lớn.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Chính phủ

Nhật Bản nỗ lực duy trì và nâng cao đời sống cho người dân trên cơ sở bảo đảm phúc lợi xã hội và y tế công cộng. Hiến pháp Nhật Bản năm 1946 đã quy định cụ thể tại Điều 25 như sau: “Tất cả các công dân đều có quyền được hưởng cuộc sống với mức tối thiểu về văn hóa và sức khỏe”. [9] Đây chính là nền tảng pháp lý quan trọng đầu tiên cho sự hình thành hệ thống chính sách ASXH hiện đại của Nhật Bản. Trải qua các giai đoạn phát triển cho thấy, trong mô hình bảo đảm ASXH của Nhật Bản, Nhà nước luôn giữ vai trò quan trọng trong việc hoạch định và thực thi chính sách, can thiệp vào thị trường với những biện pháp khác nhau nhằm khắc phục những khiếm khuyết của thị

trường, bảo đảm công bằng xã hội và để người dân được hưởng lợi nhiều hơn từ tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, không chỉ Nhà nước mà cả xã hội và thị trường (mô hình hỗn hợp) Nhật Bản đều tham gia việc bảo đảm ASXH. Việc xác định đúng vai trò và chức năng của nhà nước trong việc thực hiện chính sách ASXH là rất cần thiết. Nhật Bản đề cao phương châm xã hội hóa hoạt động chế độ bảo đảm ASXH, đặc biệt là các hoạt động chăm sóc trẻ em, người tàn tật, NCT.... Chính sách này được hình thành trên cơ sở Luật Bảo đảm cuộc sống hàng ngày của Nhật Bản năm 1946, sửa đổi năm 1950. Đây chính là những cơ sở thực tiễn, những bài học kinh nghiệm mà Việt Nam có thể học tập trong hoạt động bảo đảm ASXH nói chung và ASXH đối với người cao tuổi nói riêng.

Việt Nam là quốc gia đang phát triển và trong 35 năm đổi mới đã đạt được những thành tựu nhất định trong việc mở rộng mạng lưới an sinh đến mọi đối tượng trong xã hội, tuy vậy, quyền lợi hưởng của đa phần các đối tượng còn ở mức thấp, đặc biệt là nhóm đối tượng NCT. Theo Báo cáo ASXH thế giới 2017 - 2019 của ILO, ở Việt Nam hiện nay, trong số hơn 11 triệu NCT (từ 60 tuổi trở lên), có 2,3 triệu người đang hưởng chế độ hưu trí, 1,3 triệu người hưởng trợ cấp xã hội, còn khoảng 6 - 7 triệu NCT không có thu nhập.[2] Trong đó, phần lớn NCT ở Việt Nam sống ở nông thôn, số lượng chênh lệch quá lớn giữa nhóm NCT có thu nhập và nhóm người không có thu nhập.

Có thể nói, Việt Nam hiện đang là một trong 10 quốc gia có tỷ lệ già hóa dân số nhanh nhất thế giới. Tỷ lệ NCT tăng nhanh liên tục, dự báo đến năm 2030, tỷ trọng NCT Việt Nam chiếm 17% và năm 2050 là 25% dân số,[5] điều này cho thấy dân số Việt Nam đang già hóa với tốc độ chưa từng có. Số lượng NCT càng lớn thì tỷ lệ thuận với đó là gánh nặng về bảo đảm đời sống, chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh, đáp ứng nhu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng... càng lớn. Tại Việt Nam có hơn 70% số NCT phải tự lao động

kiếm sống, với mức lương hưu hiện nay là rất thấp, phần lớn NCT đều sống dựa vào người thân trong gia đình và thường không phải là các chính sách do Nhà nước đưa ra nhằm giúp NCT có một cuộc sống ổn định. Tuy nhiên, lối sống sinh hoạt và quy mô gia đình truyền thống đang phải trải qua những thay đổi. Quá trình đô thị hóa và hiện đại hóa có nguy cơ ảnh hưởng đến thực trạng này, và hơn hết đang kêu gọi sự vào cuộc của chính phủ và toàn xã hội.

Chính vì vậy, qua nghiên cứu tìm hiểu bài viết này tác giả hướng tới phân tích các khía cạnh pháp luật ASXH đối với NCT ở Nhật Bản nhằm tham khảo hàm ý cho chính sách, pháp luật giải quyết những vấn đề mà NCT ở Việt Nam đang phải đối mặt, từng bước thực hiện các mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống của người cao tuổi, hướng tới “Già hóa thành công”.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số thuật ngữ

- Thuật ngữ “người cao tuổi” (older person/the eldrlly trong tiếng Anh, personnes agee trong tiếng Pháp, Personas mayores trong tiếng Tây Ban Nha) được hiểu theo các ý khác nhau trên thế giới, theo CESCRR thì NCT là “older persons” chỉ người từ 60 tuổi,[7] còn Luật Người cao tuổi năm 2009 của Việt Nam quy định NCT là người “từ đủ 60 tuổi trở lên”, trong khi về phương diện thuật ngữ. Có thể nhận thấy có lỗ hổng khoảng cách tuổi trong quan điểm về thuật ngữ “từ đủ 60 tuổi trở lên” đến “chỉ từ 60 tuổi trở lên” của NCT giữa Việt Nam và quốc tế.

- Khái niệm An sinh xã hội: Theo ILO, ASXH là sự bảo vệ mà xã hội cung cấp cho các thành viên của mình thông qua một loạt các biện pháp công cộng để chống lại tình cảnh khốn khó về kinh tế và xã hội gây ra bởi tình trạng bị ngưng hoặc giảm sút đáng kể về thu nhập do ốm đau, thai sản, thương tật trong lao động, thất nghiệp, tàn tật, tuổi già và tử vong; sự cung cấp về chăm sóc y tế và các khoản tiền trợ cấp giúp cho các gia đình đồng con.

- Khái niệm “Pháp luật về ASXH đối với NCT” là tổng hợp những quy định của pháp luật điều chỉnh các mối quan hệ ASXH nhằm bảo vệ NCT được thiết lập trên cơ sở các quyền cơ bản của con người. Pháp luật về ASXH được xây dựng để bảo vệ một trong những nhóm yếu thế của xã hội đó là NCT có những đặc điểm riêng về suy giảm sức khỏe, suy giảm khả năng thu nhập, thường xuyên bị ốm đau, bệnh tật... Điều chỉnh các quan hệ pháp luật liên quan tới thu nhập, chính sách bảo hiểm thu nhập, chính sách chăm sóc y tế và chính sách trợ giúp xã hội đối với NCT có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, với mục đích nhằm bảo đảm đời sống cho NCT. Ngoài ra, chính sách ASXH đối với NCT còn bao gồm các nội dung về tiếp cận các dịch vụ xã hội khác như dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng ngừa bệnh tật, phục hồi chức năng tại cộng đồng, nhà ở, tham gia giao thông...

Như vậy, ASXH đối với NCT được hiểu là sự bảo vệ của Nhà nước và xã hội đối với NCT nhằm giảm thiểu rủi ro về kinh tế và sức khỏe, bảo đảm mức sống và chống đói nghèo, góp phần phát triển ổn định, bền vững kinh tế xã hội của đất nước.

2.2. Một số cơ sở pháp lý về ASXH đối với NCT ở Nhật Bản

Pháp luật Nhật Bản về ASXH đối với NCT được thể hiện qua những dấu mốc đầu tiên về ASXH ở Nhật Bản, xuất hiện từ thời kỳ phong kiến với hình thức trợ giúp xã hội mang tính từ thiện cho những đối tượng khó khăn như người già cô đơn, trẻ em mồ côi, người bị ảnh hưởng bởi thiên tai, hỏa hoạn,... Nền tảng pháp lý đầu tiên của ASXH được đề cập tại Điều 25, Hiến pháp năm 1947 của Nhật Bản, theo đó ghi nhận nguyên tắc về ASXH. Cùng với sự phát triển kinh tế nhanh chóng trong thời hậu chiến, hệ thống trợ cấp hưu trí công và bảo hiểm y tế dần được mở rộng để bao quát mọi đối tượng trong xã hội. Đạo luật về Dịch vụ Phúc lợi xã hội cho người già và Đạo luật về Phúc lợi cho Bà mẹ và trẻ em cũng

lần lượt có hiệu lực từ năm 1963 và 1964, nhiều chế độ phúc lợi khác trong hệ thống cũng dần được nâng cao.

Khi kinh tế bước vào thời kỳ ổn định cuối thập niên 70, hệ thống ASXH bắt đầu được nghiên cứu xem xét lại để thích ứng với xã hội bắt đầu bước vào thời kỳ già hóa dân số. Từ cuối thập niên 90 của thế kỷ trước, hệ thống ASXH Nhật Bản một lần nữa đứng trước những cải cách nhằm cải thiện tỷ lệ sinh, cũng như thích nghi với già hóa dân số. Trong giai đoạn này, Đạo luật về bảo hiểm chăm sóc dài hạn cũng bắt đầu được áp dụng để hỗ trợ NCT và gia đình họ trong trường hợp cần hỗ trợ.[1]

Như vậy, trong các chương trình an sinh cho đối tượng là NCT tại Nhật Bản, có các chương trình do tài chính bảo hiểm xã hội đảm bảo, bao gồm: Hưu trí công, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm chăm sóc dài hạn, Bảo hiểm việc làm và Bảo hiểm tai nạn lao động. Trong số này, mọi người dân đều có quyền tham gia 2 nhóm là Hưu trí công và Bảo hiểm y tế. Do vậy, Hưu trí công và Bảo hiểm y tế bao quát mọi đối tượng trong xã hội có thể coi là đặc điểm quan trọng nhất của ASXH Nhật Bản. Tài chính của hệ thống ASXH được bảo đảm bằng nguồn do các bên được bảo hiểm đóng góp, đồng thời cũng được bổ sung bởi nguồn thuế như một dạng trợ cấp. Phí bảo hiểm do các bên đóng góp căn cứ vào thu nhập của họ, điều này cũng nhằm đảm bảo nguyên tắc cơ bản của bảo hiểm là chia sẻ rủi ro và phân phối lại thu nhập. Hệ thống pháp luật ASXH đối với NCT tại Nhật Bản được thể hiện qua các mặt như sau:

Một là, pháp luật bảo hiểm xã hội đối với NCT. Ở Nhật Bản, bảo hiểm xã hội luôn là nội dung chủ yếu của hệ thống ASXH. Các chế độ bảo hiểm xã hội, bao gồm: bảo hiểm xã hội (bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm y tế) và bảo hiểm lao động (bảo hiểm việc làm, bảo hiểm bồi thường tai nạn cho người lao động).

Chính phủ Nhật Bản quy định các chế độ bảo hiểm bắt buộc nhằm cung cấp tài chính cho người

tham gia khi họ bị ốm đau, thương tật, tàn tật, sinh con, chết, tuổi già, thất nghiệp và các sự kiện được bảo hiểm khác. Hiện nay, bảo hiểm hưu trí là chế độ quan trọng nhất trong chính sách bảo hiểm xã hội của Nhật Bản, bảo đảm quyền lợi cho NCT. Đây là chế độ đa tầng, với 2 dạng cơ bản là hưu trí nhà nước và hưu trí tư nhân; được phân chia, xác định theo 3 dạng khác nhau: 1- Hưu trí cơ bản (cung cấp mức tiền hưu như nhau đối với mọi đối tượng mà không căn cứ vào thu nhập, đóng góp hay quốc tịch); 2- Hưu trí cho người làm công ăn lương (áp dụng đối với tất cả những người làm công ăn lương và mức thanh toán căn cứ vào thu nhập cũng như đóng góp của người đó); 3- Hưu trí tự nguyện (do các công ty tư nhân đóng góp cho công nhân hoặc những quỹ hưu trí tập thể đóng cho những người làm ăn cá thể).

Hai là, pháp luật về bảo hiểm việc làm đối với NCT. Chức năng cơ bản của bảo hiểm việc làm này là hỗ trợ tiền (lợi ích thất nghiệp) cho người làm công ăn lương có đối tượng là NCT trong trường hợp bị mất việc làm và giúp duy trì việc làm ổn định trong xã hội.

Quỹ bảo hiểm việc làm ở Nhật Bản được hình thành trên cơ sở đóng góp của người lao động, chỉ sử dụng lao động và ngân sách nhà nước. Trong những năm gần đây, do nền kinh tế bị suy thoái, quỹ bảo hiểm việc làm của Nhật Bản gặp nhiều khó khăn do phải đối mặt với tình trạng tỷ lệ thất nghiệp gia tăng, tình trạng mất cân đối giữa người đóng góp và người hưởng lợi, giữa người già thất nghiệp và người trẻ... Đối với NCT, quỹ bảo hiểm về việc làm giúp họ có khả năng chống đỡ những rủi ro về thất nghiệp, bởi NCT là thành phần yếu thế trong xã hội, khả năng tìm được việc làm của họ cũng khó khăn hơn so với nhóm đối tượng là người trẻ.

Ba là, pháp luật về bảo hiểm chăm sóc sức khỏe. Chính phủ Nhật Bản thực hiện chính sách này thông qua 2 hình thức chủ yếu: Chế độ bảo hiểm y tế phổ cập và chế độ bảo hiểm chăm sóc

lâu dài. Nhà nước Nhật Bản quy định người dân phải tham gia một trong 2 loại hình bảo hiểm này. Phí bảo hiểm được tính dựa vào mức lương và việc chi trả chế độ phải căn cứ vào từng loại hình bảo hiểm. Mức chi trả chăm sóc sức khỏe bình quân bằng khoảng 22% lương trung bình tháng, cộng thêm 1% chi phí nếu trên mức quy định đối với mỗi người bệnh. Chính phủ Nhật Bản cũng quy định mức đóng bảo hiểm thấp hơn đối với những gia đình có thu nhập thấp và cao hơn đối với những gia đình có thu nhập cao.[11]

Hiện nay, do những thay đổi về cơ cấu dân số, đặc biệt số lượng người cao tuổi. Nhật Bản là quốc gia có dân số “siêu già” hiện nay chiếm hơn 31% tổng dân số.[3] Tốc độ “ già hóa dân số” ngày càng tăng khiến chi phí hằng năm dành cho bảo hiểm chăm sóc sức khỏe của Nhật Bản tăng mạnh, ảnh hưởng đáng kể đến sự bền vững của hệ thống ASXH Nhà nước nói chung và sự an toàn của quỹ bảo hiểm y tế Nhật Bản nói riêng. Chính vì vậy, Nhật Bản đã chủ động nhận thức đầy đủ về việc bảo đảm quyền và khả năng tiếp cận thụ hưởng chăm sóc sức khỏe, ASXH, an toàn và môi trường thân thiện với NCT, như thực hiện các chính sách khám bệnh định kỳ để có thể kịp thời phòng ngừa và chữa trị bệnh ở giai đoạn sớm. Đồng thời, chính phủ Nhật Bản thực hiện luật hóa chế độ bảo hiểm chăm sóc dài hạn cũng như các dịch vụ cho NCT thể hiện vai trò trụ cột của Nhà nước trong đảm bảo an sinh cho người cao tuổi, vốn là một nhóm ngày càng chiếm tỷ lệ cao trong dân số

Bốn là, pháp luật về trợ giúp xã hội đối với người cao tuổi. Các quy định này được hình thành trên cơ sở Luật Bảo đảm bảo cuộc sống hàng ngày của Nhật Bản năm 1946 (sửa đổi năm 1950), với hình thức chủ yếu là trợ giúp công cộng và các dịch vụ xã hội để tương trợ cho những người yếu thế trong xã hội. Trong đó có đối tượng là NCT khi họ không còn khả năng chống đỡ lại rủi ro trong cuộc sống. Mức độ trợ giúp được quy định dựa trên mức sống và bảo

đảm tuân thủ pháp luật, do đó được Nhà nước điều chỉnh cho phù hợp với sự thay đổi mức sống dân cư. Cũng giống như nhiều quốc gia khác, Nhật Bản rất đề cao phương châm xã hội hóa hoạt động trợ giúp xã hội, đặc biệt là các hoạt động chăm sóc với đối tượng là người cao tuổi. Điển hình như trợ giúp công cộng, Chính sách gia đình, Chính sách cho người khuyết tật, Các dịch vụ cho NCT thì nguồn tài chính đảm bảo thực hiện thuộc về Ngân sách Nhà nước (thuế).

Những thành tựu đạt được trong xây dựng và tổ chức thực hiện pháp luật ASXH nói chung và đối với NCT nói riêng, trên cơ sở dựa vào cộng đồng đã góp phần quan trọng vào việc duy trì sự ổn định, thúc đẩy tiến bộ xã hội và qua đó tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế Nhật Bản, trở thành một trong những hình mẫu cho nhiều quốc gia trên thế giới.

2.3. Một số hàm ý chính sách đối với Việt Nam trong việc quy định pháp luật ASXH cho người cao tuổi

Tại Việt Nam, Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành TW Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới nhấn mạnh: “Hoàn thiện chính sách pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò của NCT; khuyến khích NCT tham gia hoạt động kinh tế - xã hội; xác định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của người sử dụng lao động và người lao động cao tuổi. Tích cực, chủ động xây dựng môi trường thân thiện với NCT; phát triển mạnh hệ thống chuyên ngành Lão khoa trong các cơ sở y tế. Khuyến khích phát triển cơ sở chăm sóc NCT; cung cấp các loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, văn hóa, giải trí của NCT. Mục tiêu đến năm 2030, tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm; 100% NCT có thể bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, được khám chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung”[4] và quyền của NCT được ghi nhận thông qua các bản Hiến pháp, đặc biệt là Hiến

pháp năm 2013 - văn bản pháp lý cao nhất của Nhà nước ta.

Khoản 3 Điều 37 Hiến pháp năm 2013 khẳng định: “NCT được Nhà nước, gia đình và xã hội tôn trọng, chăm sóc và phát huy vai trò trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng thể hiện đường lối chủ trương của Đảng ta trong mối quan tâm chăm sóc đặc biệt hướng tới bảo đảm tối đa quyền của NCT trong đời sống vật chất, tinh thần, trong đó có lĩnh vực ASXH của người cao tuổi. Tuy nhiên, đối với những quốc gia đang phát triển như Việt Nam, do bề dày của quỹ an sinh còn hạn chế, nên chưa thể đảm bảo được thu nhập cho mọi đối tượng NCT thuộc tầng thứ nhất. Mức trợ giúp xã hội cũng chỉ đáp ứng được một phần mức sống tối thiểu của NCT hiện nay và thực tế thụ hưởng cũng cần phải cân đối với những nhóm đối tượng yếu thế khác trong xã hội. Điều này cũng phù hợp với xu hướng chung trên thế giới, đó là tỷ lệ NCT được hưởng trợ cấp hưu trí đã tăng lên ở các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình, nhưng mức hưởng hiện nay ở khu vực này còn chưa cao và chưa đảm bảo được đời sống của người cao tuổi. Tìm hiểu thực trạng ASXH tại Nhật Bản đã và đang trải qua quá trình già hóa dân số, có thể đưa ra một số khuyến nghị cho pháp luật ASXH đối với NCT tại Việt Nam như sau:

Thứ nhất, coi trọng việc phát triển hệ thống ASXH cho người cao tuổi, bảo đảm thực hiện ngày càng tốt hơn các quyền cơ bản của con người, phù hợp với thu nhập bình quân của quốc gia, đáp ứng chuẩn mực quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Tại Điều 34 Hiến pháp năm 2013 đã bổ sung quy định các quyền về ASXH của người dân: “Công dân có quyền được bảo đảm an sinh xã hội” và Điều 59 đề ra trách nhiệm: “Nhà nước tạo bình đẳng về cơ hội công dân được thụ hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống ASXH”.

Do đó, dựa vào những gì Nhật Bản đã thực hiện về ASXH đối với NCT thì Việt Nam cần

hoàn thiện chính sách, pháp luật bảo đảm ASXH cho NCT thông qua việc cải cách pháp luật ASXH cần tiến hành đồng bộ với những cải cách về phát triển việc làm, mở rộng sự tham gia vào hệ thống pháp luật bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, cải cách chính sách trợ giúp xã hội và giảm nghèo bền vững. Bên cạnh đó, các quy định pháp lý về pháp luật thuế, pháp luật cạnh tranh, luật doanh nghiệp và thương mại thể hiện sự đồng bộ tiềm lực của quỹ ASXH. Tiềm lực quỹ ASXH tại Nhật Bản đều dựa trên 2 nguồn: đóng góp của người tham gia (người lao động, người sử dụng lao động,...) và nguồn thuế do Nhà nước hỗ trợ. Với mục tiêu mở rộng mạng lưới an sinh bền vững cho tất cả các chủ thể trong xã hội, rõ ràng, tăng nguồn đóng góp từ các bên là không thể tránh khỏi.

Thứ hai, Nhà nước cần tiếp tục giữ vai trò chủ đạo và thống nhất quản lý ASXH cho người cao tuổi. Với mô hình an sinh của Nhật Bản thì Nhà nước luôn giữ vai trò quan trọng trong việc hoạch định và thực thi chính sách, can thiệp vào thị trường với những biện pháp khác nhau nhằm khắc phục những khiếm khuyết của thị trường, bảo đảm công bằng xã hội và để người dân được hưởng lợi nhiều hơn từ tăng trưởng kinh tế. Việt Nam, với việc thiết kế mô hình ASXH như hiện nay, cần tiếp tục đảm bảo vai trò chủ đạo của Nhà nước trong quy định và thực hiện an sinh.

Thứ ba, qua hệ thống pháp luật ASXH của Nhật Bản đã gợi mở một vài hàm ý chính sách đối với 3 mảng của ASXH cho NCT ở Việt Nam trong tương lai, đó là Bảo hiểm hưu trí, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm chăm sóc sức khỏe dài hạn.

Đối với Bảo hiểm hưu trí, mặc dù Nhà nước giữ vai trò chủ đạo nhưng do ngân sách của Việt Nam còn hạn chế, nên cần có những chính sách thúc đẩy hưu trí tư nhân phát triển. Cụ thể, cần có chính sách giảm thuế cho những doanh nghiệp phát triển quỹ hưu trí tại doanh nghiệp cho người lao động. Bảo hiểm xã hội tự nguyện ở Việt Nam hiện nay chưa thu hút được nhiều người tham gia, có lẽ vì

mức đóng góp lớn, quyền lợi hưởng chưa cao, cộng với tình trạng lạm phát. Nhà nước có thể xem xét hỗ trợ cho quỹ bảo hiểm xã hội tự nguyện để kích thích sự tham gia của nhóm lao động tự do, nông dân, thợ thủ công,...

Nghị quyết số 28-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội ghi rõ phần đầu số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hàng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội đạt khoảng 55% vào năm 2025 và khoảng 60% vào năm 2030, nhiều giải pháp đã được tính đến trong quá trình xây dựng Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi).[5] Trong đó, một giải pháp được tính đến là mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và tự nguyện; giảm điều kiện thời gian đóng bảo hiểm xã hội tối thiểu để được hưởng chế độ hưu trí; điều chỉnh quy định điều kiện hưởng bảo hiểm xã hội một lần để hạn chế số người rời khỏi “lưới an sinh”; giảm độ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội (trợ cấp xã hội hàng tháng dành cho người cao tuổi) phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ.

Đối với Bảo hiểm y tế, hiện nay chúng ta đặt ra lộ trình y tế toàn dân, đồng thời cho phép những gói dịch vụ bảo hiểm y tế tư nhân tồn tại với hệ thống bảo hiểm y tế công lập. Do vậy, đối với nhiều bộ phận người dân, họ buộc phải tham gia đồng thời 2 hệ thống bảo hiểm công tư. Để hạn chế lãng phí, chính phủ có thể xem xét quy định cho phép người tham gia chuyển từ hệ thống bảo hiểm y tế tư nhân sang hệ thống công lập. Hơn nữa, về mặt nhân lực, cũng cần có lộ trình tăng tỷ lệ bác sĩ trên tổng số dân, ở các địa phương khác nhau.

Đối với Bảo hiểm chăm sóc dài hạn, từ kinh nghiệm của Nhật Bản, Việt Nam cần xây dựng hệ thống Bảo hiểm chăm sóc dài hạn để chuẩn bị cho thế hệ tương lai. Việt Nam đã chuyển dịch dần từ cấu trúc gia đình truyền thống đa thế hệ sang cấu trúc gia đình hạt nhân, hơn thế nữa, với chính sách giảm sinh thực hiện trong một thời gian dài (từ

năm 1961 ở miền Bắc, được đẩy mạnh vào năm 1991), khả năng con cái trực tiếp chăm sóc cha mẹ trong tương lai sẽ giảm đi rất nhiều. Do vậy, Việt Nam cần xây dựng hệ thống Bảo hiểm chăm sóc dài hạn, với những loại trợ cấp hoặc dịch vụ khác nhau, tùy theo nhu cầu của người thụ hưởng. Đó có thể là trợ cấp chăm sóc, hoặc chăm sóc tại nhà tính theo giờ, hoặc chăm sóc tại các cơ sở dưỡng lão. Nguồn tài chính cho bảo hiểm chăm sóc dài hạn sẽ được Nhà nước đầu tư ban đầu, cùng với đóng góp từ người lao động và người sử dụng lao động, trong đó người lao động độc thân đóng góp ở mức cao hơn. Đi cùng với nội dung này, phát triển nguồn nhân lực chăm sóc NCT trong tương lai cũng cần có định hướng cụ thể.

Thứ tư, hoàn thiện pháp luật trợ giúp xã hội cho NCT. Nhà nước triển khai và thực hiện tốt các quy định pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp cho NCT. Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật tạo khuôn khổ cho toàn bộ người lao động khi đến tuổi nghỉ hưu đều được tham gia bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp như: Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, sửa đổi bổ sung năm 2015, mở rộng diện tham gia bảo hiểm xã hội đối với người làm việc theo hợp đồng từ một tháng trở lên; hoàn thiện chế độ bảo hiểm xã hội tự nguyện theo hướng linh hoạt và phù hợp

với điều kiện về việc làm và thu nhập của lao động trong khu vực phi chính thức.

3. Kết luận

Nhật Bản coi trọng việc hoàn thiện pháp luật trong việc xây dựng và thực hiện quy định pháp luật bảo đảm ASXH NCT đi trước quan hệ xã hội cần điều chỉnh. Tạo hành lang pháp lý cho việc giải quyết các vấn đề ASXH thống nhất, hiệu lực và bảo đảm sự công bằng trong xã hội. Điều này khẳng định tầm quan trọng của hoạt động bảo đảm ASXH cho NCT, ghi nhận quyền hưởng ASXH cho người dân, vừa tạo cơ sở pháp lý cho người dân trong việc bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình.

Nhật Bản xây dựng mô hình ASXH theo văn hóa phương Đông. Việt Nam cũng là nước thuộc nền văn hóa phương Đông, coi trọng NCT, do vậy, có thể áp dụng và rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm từ Nhật Bản trong việc xây dựng ASXH cho NCT. Như việc đề cao trách nhiệm của cá nhân, trợ giúp của con cháu trong gia đình, tiếp đó là các tổ chức tư nhân và sau cùng mới đến Nhà nước. Nhà nước chỉ có chính sách tổng thể trong hoạt động phúc lợi xã hội. Pháp luật ASXH cho người cao tuổi phải được xây dựng và thực hiện ngang tầm với hệ thống pháp luật kinh tế và phải thực hiện đồng bộ với phát triển kinh tế đất nước ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. An sinh xã hội Nhật Bản (2014). *Viện Nghiên cứu quốc gia về Dân số và An sinh xã hội*.
2. Báo cáo An sinh xã hội thế giới (2017 - 2019). *Phổ cập an sinh xã hội để đạt mục tiêu phát triển bền vững*.
3. Ban Tuyên giáo Trung ương (2015), *Vụ Các vấn đề xã hội: Đề án An sinh xã hội cho người cao tuổi*, TLĐd. Tr26.
4. Bộ Chính trị (2012). *Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 22/11/2012 về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giai đoạn 2012 - 2020”*.
5. Ban Chấp hành Trung ương khóa XII (2018). *Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội*.
6. Aya K. Abe (2003). Low-income people in social security systems in Japan. *Japanese Journal of Social Security Policy*, 2 (2), 59-70

7. CESCR(1995). General Comment No.6: The economic, social and cultural rights of older persons, 9.
8. Fushihara Hirota (2019). Người cao tuổi tham gia lao động: Nhật Bản và Việt Nam. Truy cập tại: <https://tuoitre.vn/nguoi-cao-tuoi-tham-gia-lao-dong-nhat-ban-va-viet-nam-1535809.htm>
9. The Constitution of Japan (1946). Retrieved from: http://japan.kantei.go.jp/constitution_and_government_of_japan/constitution_e.html
10. Phạm Ngọc Anh (2017). Chính sách an sinh xã hội ở Nhật Bản. Truy cập tại: https://tcnn.vn/news/detail/37891/Chinh_sach_an_sinh_xa_hoi_o_Nhat_Banall.html

Ngày nhận bài: 5/5/2022

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 22/5/2022

Ngày chấp nhận đăng bài: 11/6/2022

Thông tin tác giả:

ThS. TRẦN THỊ LỆ HẰNG

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

THE SOCIAL SECURITY SYSTEM FOR THE ELDERLY OF JAPAN AND LEGAL IMPLICATIONS FOR VIETNAM

● Master. **TRAN THI LE HANG**

Hanoi Metropolitan University

ABSTRACT:

Population aging is a global phenomenon and older persons are increasing in number. This phenomenon impacts the socio-economic development of all countries in the world including Japan. Japan's social security system for the elderly is fairly successful. This paper analyzes the social security system for the elderly of Japan to draw experiences and legal implications for Vietnam's social security system for the elderly.

Keywords: social security, policy, law, the elderly.